

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 686/2024/DS-PT

Ngày: 27-8-2024

V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”

**NHÂN DANH
NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Minh Tâm

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2293/2024/QĐPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn B năm 1942; địa chỉ: Số D, khu V, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Mỹ H năm 1954, địa chỉ: Số A, đường T, KV1, phường G, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (Văn bản ủy quyền ngày 13/6/2024) (có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị A, sinh năm 1952, địa chỉ: Số D, khu V, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Thái T năm 1982 (có mặt).

- Bà Dương Thị Y năm 1995 (vắng mặt).

- Bà Trần N T1 sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số B, đường số D, KDC H, KV2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 08/7/2023).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Văn phòng C1 Địa chỉ: Số G Quốc lộ I, khu vực B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị K năm 1944; Địa chỉ: KV T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Mỹ H năm 1954; Địa chỉ: Số A, đường T, KV1, phường G, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (văn bản ủy quyền ngày 19/01/2018) (có mặt).

3. Bà Lê Thị Mỹ H năm 1954; Địa chỉ: Số A, đường T, KV1, phường G, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

4. Ông Lê Quốc T1 năm 1960; Địa chỉ: Số D, KV B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

5. Bà Lê Thị Mỹ L năm 1962; Địa chỉ: Số C, KV T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ (có mặt).

6. Bà Lê Thị M H1 sinh năm 1964; Địa chỉ: Số D, KV B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ (có mặt).

7. Bà Lê Thị M H2 sinh năm 1966; Địa chỉ: KV B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Mỹ H năm 1954, địa chỉ: Số A, đường T, KV1, phường G, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (Văn bản ủy quyền ngày 13/6/2024) (có mặt).

8. Bà Lê Thị B1 chỉ: C L1 M (vắng mặt).

9. Ông Vương Lê Vĩnh N1 năm 1984; Địa chỉ: Số A, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Thái T năm 1982 (có mặt).

- Bà Dương Thị Y năm 1995 (vắng mặt).

- Bà Trần N T1 sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số B, đường số D, KDC H, KV2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 08/7/2023).

10. Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận Ô (vắng mặt).

11. Ban Q1 (vắng mặt).

Người làm chứng: Ông Huỳnh Việt V K1 sinh năm 1980; Địa chỉ: A, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn B2; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ H1, bà Lê Thị Kbà Lê Thị Mỹ L1, bà Lê Thị M H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Lê Văn B2 trình bày:

Cụ Lê Văn B2 sinh năm 1910 (chết năm 1991) và cụ Nguyễn Thị C năm 1914 (chết ngày 22/8/2017) có 09 người con gồm: Lê Văn BLê Thị KLê Thị A, Lê Thị B1Lê Thị Mỹ HLê Quốc T Thị Mỹ LLê Thị Mỹ H1 và L B2 và cụ C1 tạo lập được thửa đất 253 diện tích 2.900m². Năm 1986, tập đoàn giao thửa đất này cho ông Nguyễn M1 H3 năm 1990, chính quyền trả lại 1.900m², còn lại 1.000m² đất vẫn được ông H3 tiếp tục sử dụng. Gia đình cụ C2 tục khiếu nại, năm 1994 thì ông H3 đồng ý giao phần đất này lại cho gia đình cụ C3 thời gia đình giao cho bà Lê Thị A và Lê Quốc T2 sử dụng.

Sau đó, bà Lê Thị Mỹ H2 bà Lê Thị A phát sinh tranh chấp phần diện tích thửa 253A, cho đến ngày 26/8/2016 thì được Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh y án sơ thẩm, công nhận phần đất tại thửa 253A theo giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 3876/GCNRD ngày 20/01/1992 thuộc quyền sử dụng của hộ bà Nguyễn Thị C4 (Bản án dân sự

phúc thẩm số 195/2016/DS-PT).

Toàn bộ thửa đất 253A Nhà nước đã thu hồi để thực hiện 03 dự án, cụ thể:

- Ngày 08/12/2016, Nhà nước thu hồi phần đất có diện tích 675,9m² đất ODT và 77,4m² đất CLN, thửa 253A, tờ bản đồ số 03, do hộ bà Nguyễn Thị Cửu dđất, để thực hiện dự án cài tại Qbồi thường tổng số tiền 1.699.405.200đ.

- Ngày 21/7/2017, Nhà nước thu hồi phần đất có diện tích 12 m² đất ODT và 177,6m² đất CLN, thửa 253A, tờ bản đồ số 03, do hộ bà Nguyễn Thị Cửu dđất, để thực hiện dự án Trạm Cảnh sát giao thông đường bộ (Trạm số B3bồi thường tổng số tiền là 455.246.400đ.

- Năm 2004, Nhà nước thu hồi một phần làm dự án xây dựng đường Quốc lộ 91B, bồi thường tổng số tiền 114.514.200đ.

Nay, ông Lê Văn B3 kiện yêu cầu tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Yêu cầu Tòa án hủy toàn bộ di chúc của bà C5 ngày 06/7/2017, số chứng thực I/2017, quyền số I/TP/CC-SCC/DC, do di chúc không hợp pháp.

- Yêu cầu chia thửa kế toàn bộ số tiền nêu trên, yêu cầu được nhận 1/9.

Theo đơn phản tố và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị A có người đại diện là ông Nguyễn Thái T2 bày và yêu cầu:

Theo bà Lê Thị A, khi bà C6 sống đã phân chia tài sản cho các con, ai cũng có phần. Thửa đất 253A đang chấp trước đây không có giá trị, sau này có giá trị nên bà H3 chấp với bà và bà C7 kiện kéo dài nhiều năm, trải qua nhiều phiên tòa, hủy tới hủy lui chưa giải quyết xong, chi phí theo đuổi vụ kiện tốn kém, anh em trong gia đình không quan tâm đến tài sản kiện tụng nên giữa bà với ông B4 và ông T2 đã bàn bạc, lập văn bản ngày 05/12/2011, cụ thể: ông Lê Văn B5 Nguyễn Thị C8 ông Lê Quốc T3(bên A) với bà Lê Thị A, ông Vương Lê Vĩnh N2(bên B) lập “Văn bản thỏa thuận về tài sản” có nội dung:

“Đối với vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Lê Thị Mỹ H4 cả các chi phí đều do Bên B nộp.

Trong trường hợp thắng kiện, Bên A đồng ý giao lại tài sản trong vụ kiện là lô đất có diện tích 1.000m², thửa 253A, tờ bản đồ số 03, tạo lạc tại KV T, phường P, quận Ô B.

Bên A cam kết, sau khi bàn giao tài sản cho Bên B, Bên A không còn quyền hạn gì đối với tài sản nêu trên, đồng thời bên A không đòi hỏi bất cứ gì hay khiếu kiện gì Bên B”. Văn bản thỏa thuận được các bên ký tên và được công chứng cùng ngày.

Cùng ngày 05/12/2011, cụ Nguyễn Thị C9 “Tờ di chúc” có nội dung: “Tôi có quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản là 01 (một) lô đất có diện tích 1.000m², thửa 253A, tờ bản đồ số 03, tạo lạc tại KV T, phường P, quận Ô trong lúc tinh thần còn minh mẫn, sáng suốt, tôi lập di chúc này để quyết định nếu tôi có mệnh hệ nào mà không còn định đoạt được đối với tài sản của tôi nêu trên thì tài sản nêu trên sẽ được giao lại cho bà Lê Thị A được thửa hưởng và được toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt, không ai được quyền ngăn cản và tranh chấp”. Di chúc được Công chứng tại Văn phòng C2 số Equiryen IV/2011/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/12/2011.

Sau khi có Bản án phúc thẩm, cụ Nguyễn Thị C10 lập Di chúc ngày 06/01/2017, có nội dung di chúc như sau:

“Theo Bản án số 195/2016/DS-PT ngày 26/8/2016 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và “Quyết định số 5328/QĐ-UBND về việc “Thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 3876/GCNRD, ngày

20/11/1992 do ông Nguyễn M1 H3đúng tên” thì tôi là chủ sử dụng quyền sử dụng, được đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất đối với:

Tài sản là QSD Đất tại thửa 253A, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Kv B, P . P, Q.Ô, TP . Theo theo giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 3876/GCNRD, ngày 20/11/1992 (do ông Nguyễn M1 H3đúng tên); kèm theo bản trích đo địa chính ngày 09/6/2014 của Trung tâm K4

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, tôi có toàn quyền định đoạt, quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với tài sản này.

Nay trí óc còn minh mẫn, tinh thần sáng suốt, tôi lập di chúc này để quyết định rằng:

Sau khi qua đời thì toàn bộ tài sản nêu trên, để lại cho con ruột tôi là Lê Thị A được quyền thừa hưởng tất cả các phần tài sản của tôi nêu trên và toàn quyền định đoạt.

Phần tài sản thuộc bản án nêu trên đang trong thời gian thi hành án, nếu sau khi tôi qua đời mà bản án trên vẫn chưa được thực hiện hoàn tất thì tôi cũng đồng ý để lại cho con tôi (có lai lịch nêu trên) được thụ hưởng...”

Bản di chúc được công chứng số 1/2017, quyền số 1/TP/CC-SCC/DC chứng nhận ngày 06/01/2017.

Nay, bà Lê Thị A không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông Lê Văn B6 yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Mỹ H2Bà Lê Thị A1 có yêu cầu như sau:

Yêu cầu công nhận di chúc của bà Nguyễn Thị C9 ngày 06/01/2017;

Yêu cầu được hưởng toàn bộ số tiền bồi thường tại thửa đất 253A; yêu cầu được tiếp tục nhận số tiền 455.246.400đ tại Ban Qđất quận Ô 50.670.000đ tại Ban Q1 (trước đó, bà Lê Thị A1 đã nhận 1.699.405.200đ tại Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận Ô 63.844.200đ tại Ban Q1

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lần lượt trình bày trình bày và yêu cầu:

Bà Lê Thị M H2có người đại diện là ông Trần Thanh V1 trình bày:

Thống nhất lời trình bày của ông B7 mối quan hệ gia đình, hàng thừa kế của ông Lê Văn B2

Bà H2yêu cầu Tòa án hủy toàn bộ di chúc của bà C9 ngày 06/7/2017, số chứng thực I/2017, quyền số I/TP/CC-SCC/DC; yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 09/2014/DS-ST ngày 31/7/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ và Bản án dân sự phúc thẩm số 195/2026/DS-PT ngày 26/8/2016 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, tổng số tiền di sản 1.699.405.200đ và 455.246.400đ. Bà H2yêu cầu được hưởng 1/9 di sản.

Bà Lê Thị Mỹ H5 là người đại diện bà Lê Thị K1 trình bày:

Thửa đất 253A là di sản của ông Lê Văn B8 bà Nguyễn Thị C11 yêu cầu chia thừa kế của ông B2và bà C12 pháp luật. Nếu đất xác định là của hộ bà C13 yêu cầu 09 người con bà C14 là thành viên trong hộ gia đình.

Bà Lê Thị Mỹ L2 bày:

Bà L3 rằng di chúc là giả mạo, yêu cầu chia di sản của bà C12 pháp luật.

Bà Lê Thị Mỹ H6 ý kiến trình bày:

Bà C15 chung với gia đình trên 19 năm. Ông T2cũng thường hay đến chăm nom, còn bà Lê Thị A1 có biết về thuốc nên thường hay đến thuốc men, chăm sóc bà CCác anh chị em khác còn lại do cuộc sống mưu sinh nên thỉnh thoảng có đến thăm. Tất cả các con bà C16 cũng được bà C17 cho đất. Thửa đất 253A trước đây bà H7 tranh chấp, các anh em khác trong gia đình và bà C10 thống nhất cho bà Lê Thị A1, bà C10 làm nhiều văn bản ủy quyền, di chúc cho bà A. Ông

Lê Văn B6 ông Lê Quốc T4 thống nhất cho bà A.

Nếu tòa án chia thừa kế theo pháp luật, phần của bà được hưởng, bà cũng để lại cho bà A. Bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ông L5 tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không rõ ý kiến.

Ông Vương Lê Vĩnh N3 nhất lời trình bày của bà Lê Thị A1.

Ban Q(trước đây là Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất quận Ô ý kiến:

Ngày 08/12/2016, Ủy ban nhân dân quận Ô hành Quyết định số 5327/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân có đất bị ảnh hưởng tại dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ I (km 14+00-km 50+899) theo hình thức BOT, thu hồi phần đất có diện tích 675,9m² đất ODT và 77,4m² đất CLN, thửa 253A, tờ bản đồ số 03, do hộ bà Nguyễn Thị Csử d đất.

Ngày 08/12/2016, Ủy ban nhân dân quận Ô hành Quyết định số 5326/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường về đất cho hộ bà Nguyễn Thị C18 dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ I (km 14+00-km 50+899) theo hình thức BOT, với tổng số tiền 1.699.405.200đ.

Ngày 29/12/2016, Ban quản lý dự án đã lập thủ tục chi trả tiền cho hộ bà Nguyễn Thị C19 đại diện là bà Lê Thị A1 số tiền là 1.699.405.200đ.

Ngoài ra hộ bà C10 phần đất bị ảnh hưởng của dự án Trạm Cảnh sát giao thông đường bộ (T) tại phường P, quận Ô 21/7/2017, Ủy ban nhân dân quận Ô hành Quyết định số 4158/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân có đất ảnh hưởng dự án Trạm Cảnh sát giao thông đường bộ (T) tại phường P, quận Ô phần đất có diện tích 12 m² đất ODT và 177,6m² đất CLN, thửa 253A, tờ bản đồ số 03, do hộ bà Nguyễn Thị Csử d đất. Ngày 21/7/2017, UBND quận Ô hành quyết định số 4154/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường với tổng số tiền là 270.964.800đ. Ngày 14/11/2017, UBND quận Ô hành Quyết định số 10271/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường là 184.281.600đ. Tổng giá trị hộ bà C20 được nhận là 455.246.400đ.

Do hiện nay bà C21 chết, gia đình đang tranh chấp thừa kế của bà C11 Ban quản lý chưa lập thủ tục chi trả cho gia đình bà C22, chờ kết quả giải quyết cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền. Ban quản lý dự án đề nghị tòa án xét xử vắng mặt.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố C ý kiến:

Hộ ông Lê Văn B9 tổng diện tích đất bị ảnh hưởng dự án Quốc lộ I đoạn từ cầu G-Cuối tuyến (Km 13+517-Km15+731,71) là 506,7m² gồm thửa đất số 03, tờ bản đồ số 01, diện tích 407,2m² và thửa đất số 04, tờ bản đồ số 01, diện tích 99,5m², diện tích này được thể hiện tại các hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Trung tâm Đo đạc Bản đồ lập ngày 25/12/2002 và được kèm với Biên bản kiểm kê tổng hợp bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng dự án Quốc lộ I(giai đoạn 2) ngày 11/4/2003. Diện tích đất này đã được UBND thành phố phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ Lê Văn B2 tại các Quyết định số 734/QĐ-CT.UB ngày 02/3/2004, Số 2011/QĐ-CT.UB ngày 13/6/2005 và Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 21/7/2006. Do đó, việc xác định diện tích thửa đất 253 hay 253A theo hồ sơ nêu trên là chưa thể xác định được.

Nhà nước bồi thường tổng số tiền 114.514.200đ, bao gồm 63.844.200đ do bà Lê Thị A1 đã nhận theo Biên bản ngày 26/8/2005, còn lại 50.670.000đ hiện do Ban quản lý dự án đang quản lý, chờ quyết định của Tòa án. Ban quản lý dự án đề nghị tòa án xét xử vắng mặt.

Văn phòng C1 trình bày:

Vào ngày 06/01/2017, Văn phòng C1 có công chứng di chúc của bà Nguyễn Thị C23 chúc được Công chứng số 1/2017 quyển số 1/TP/CC-SCC/DC.

Văn phòng công chứng đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ như sau để lập di chúc của bà Nguyễn Thị C4

- Bản án số 195/2016/DS-PT ngày 26/8/2016.
- Bản trích đo địa chính ngày 09/6/2014 của Trung tâm K4
- Giấy chứng nhận của bệnh viện T7 số 1.305/2016CN-BVTT ngày 10/10/2016 còn hiệu lực tại thời điểm bà yêu cầu công chứng di chúc của bà, xác nhận bà Nguyễn Thị C24 rối loạn tâm thần.
- CMND, hộ khẩu của bà Nguyễn Thị C8 bà Lê Thị A1.
- Có 02 người làm chứng (ngẫu nhiên), chính bà Nguyễn Thị C25 lăn tay của bà vào văn bản di chúc.

Việc Công chứng được thực hiện đúng trình tự thủ tục theo Luật Công chứng nên không chấp nhận hủy văn bản Công chứng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5, 11 Điều 26; khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, Điều 273, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 626, 630, 632, 636, 643 của Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 10 của Luật đất đai 2003;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn B10 cầu độc lập của bà Lê Thị M H2 về việc yêu cầu tuyên bố Bản Di chúc do cụ Nguyễn Thị C9, được công chứng ngày 06/01/2017, số công chứng 1/2017, quyền số 01/TP/CC-SCC/DC vô hiệu, vì không có căn cứ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn B10 cầu độc lập của bà Lê Thị M H2 về việc yêu cầu chia thừa kế số tiền bồi thường thừa đất 253A.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị A1.

Công nhận hiệu lực của Bản Di chúc do cụ Nguyễn Thị C9, được công chứng ngày 06/01/2017, số công chứng 1/2017, quyền số 01/TP/CC-SCC/DC.

Bà Lê Thị A1 được quyền thừa kế toàn bộ số tiền bồi thường thừa đất 253A, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Kv B, P . P, Q.Ô, TP .là 2.269.165.800đ.

Bà Lê Thị A1 được quyền liên hệ Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận Ô nhện 455.246.400đ tiền bồi thường theo Quyết định số 4154/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường và Quyết định số 10271/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường.

Bà Lê Thị A1 được quyền liên hệ Ban Q1 để nhận 50.670.000đ theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 21/7/2006.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về các chi phí tố tụng, án phí, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/9/2023, nguyên đơn ông Lê Văn B6 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ H1, bà Lê Thị Kbà Lê Thị Mỹ L1, bà Lê Thị M H2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự có kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phía bị đơn không đồng ý theo yêu cầu kháng của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật: Xét thấy, Thẩm phán chủ toạ phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn xét xử phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự có yêu cầu kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới làm thay đổi bản chất vụ án. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ y bản án sơ thẩm đã xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn B6 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ H1, bà Lê Thị Kbà Lê Thị Mỹ L1, bà Lê Thị M H2 làm trong hạn luật định. Ông Bbà Hbà K2 L là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, bà H2 đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Do đó đơn kháng cáo của các ông bà L6, Lê Thị KLê Thị Mỹ L, Lê Thị M H2 đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Lê Văn B11 có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M H2 yêu cầu Tòa án hủy toàn bộ di chúc của bà Nguyễn Thị C9 ngày 06/7/2017, số chứng thực I/2017, quyền số I/TP/CC-SCC/DC và yêu cầu chia thừa kế số tiền bồi thường thừa đất 253A, tờ bản đồ số 03, địa chỉ Khu vực B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Bị đơn bà Lê Thị A1 không đồng ý và có yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án công nhận hiệu lực của bản Di chúc do cụ Nguyễn Thị C9, bà A được quyền thừa kế toàn bộ số tiền bồi thường thừa đất 253A.

Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*”, vụ án có đương sự cư trú ở nước ngoài và thụ lý, xét xử vụ án là có căn cứ, đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 5, Khoản 11 Điều 26, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn B6 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ H1, bà Lê Thị Kbà Lê Thị Mỹ L1, bà Lê Thị M H2:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B, bà Hbà Kbà L4 H2 trình bày cho rằng thừa đất 253A là tài sản của hộ gia đình, không phải là của cá nhân cụ Nguyễn Thị C4. Do đó việc cụ C26 ý lập di chúc là trái quy định, di chúc không có giá trị pháp lý nên vô hiệu. Ông Bbà H8 Kbà Lbà H2 đề nghị Tòa án chia thừa kế toàn bộ số tiền bồi thường do thu hồi thừa đất 253A cho các đồng thừa kế của cụ C

[3.1] Hội đồng xét xử nhận thấy, theo sự thừa nhận của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Về hàng thừa kế, các đương sự xác định cụ Lê Văn B2 sinh năm 1910 (chết năm 1991) và cụ Nguyễn Thị C năm 1914 (chết ngày 22/8/2017) có 09 người con gồm Lê Văn BLê Thị KLê Thị A, Lê Thị B1 Lê Thị Mỹ HLê Quốc T T Lê Thị Mỹ H.

Về tài sản tranh chấp là thừa đất 253A nhưng Nhà nước đã thu hồi, cụ thể:

- Ngày 08/12/2016, Ủy ban nhân dân quận Ô hành Quyết định số 5327/QĐ-UBND về việc thu hồi phần đất có diện tích 675,9m² đất ODT và 77,4m² đất CLN, thừa 253A, bồi thường về đất cho hộ bà Nguyễn Thị C27 tổng số tiền 1.699.405.200đ.

- Ngày 21/7/2017, Ủy ban nhân dân quận Ô hành Quyết định số 4158/QĐ-UBND về việc thu hồi phần đất có diện tích 12 m² đất ODT và 177,6m² đất CLN, thửa 253A, bồi thường về đất cho hộ bà Nguyễn Thị C28 số tiền sẽ được nhận là 455.246.400đ.

Như vậy, Nhà nước thu hồi thửa đất 253A để nâng cấp cải tạo Quốc lộ I dự án Trạm Cảnh sát giao thông đường bộ (Trạm số 2), với tổng diện tích là 942,9m², bồi thường tổng số tiền là 2.154.651.600đ.

Ngoài ra, năm 2004, Nhà nước có thu hồi phần đất thuộc dự án Quốc lộ I đoạn từ cầu G-cuối tuyến (Km 13+517-Km15+731,71). Diện tích đất này đã được UBND thành phố Cphê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại các Quyết định số 734/QĐ-CT.UB ngày 02/3/2004, Số 2011/QĐ-CT.UB ngày 13/6/2005 và Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 21/7/2006. Nhà nước bồi thường tổng số tiền 114.514.200đ, bao gồm 63.844.200đ do bà Lê Thị A1 đã nhận theo Biên bản ngày 26/8/2005, còn lại 50.670.000đ hiện do Ban Quản lý dự án đang quản lý, chờ quyết định của Tòa án.

[3.2] Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp:

Theo thửa nhận của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì thửa đất 253A diện tích 1.000m² có nguồn gốc là của cụ Lê Văn B8 cụ Nguyễn Thị C29 hiện chính sách đất đai của Nhà nước, Nhà nước giao cho ông Nguyễn M1 H3 từ năm 1985, ông H3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 3876/GCNRD ngày 20/01/1992.

Như vậy diện tích đất này đã được Nhà nước giao cho người khác, sử dụng theo chính sách đất đai của Nhà nước, Nhà nước không thửa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước. Kể từ thời điểm nhà nước giao đất cho ông H3 phần đất này không còn là tài sản của cụ B2 và cụ C11 đây không phải là di sản của cụ B12(cụ B2 chết năm 1991).

Tuy nhiên, sau khi cụ B2 chết, gia đình cụ C2 tục khiếu nại đòi lại đất gốc. Năm 1994, ông H3 trả lại đất cho gia đình cụ C30 đình cụ C10 trách nhiệm trả cho ông H9 chỉ vàng 24k. Sau đó phát sinh tranh chấp về quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị Mỹ H10 bà Lê Thị A1, ông Lê Quốc T5 đó có bà Nguyễn Thị C31 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại Bản án số 195/2016/DS-PT ngày 26/8/2016 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định “Công nhận 1.000m² đất tọa lạc tại khu vực B(thửa đất 253A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3876/GCNRD ngày 20/01/1992 do ông Nguyễn M1 H3 đứng tên) thuộc quyền sử dụng của hộ bà Nguyễn Thị C32 đất có hình thể, vị trí và diện tích thực tế (do đại diện của hộ bà C33 ranh) là 687,9m² theo bản trích đo địa chính ngày 09/6/2014”.

Bản án số 195/2016/DS-PT ngày 26/8/2016 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là bản án đang có hiệu lực pháp luật, do đó quyền sử dụng phần đất 1.000m² tọa lạc tại khu vực B(thửa đất 253A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3876/GCNRD ngày 20/01/1992 do ông Nguyễn M1 H3 đứng tên) là thuộc hộ bà Nguyễn Thị C4. Tuy nhiên tại thời điểm công nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà C thì ông Lê Văn Bông Lê Q T2 bà Lê Thị Mỹ H11 sống chung với bà Nguyễn Thị C34 ra, ông B6 ông T2 đã lập Văn bản thỏa thuận về tài sản ngày 05/12/2011 xác định không còn quyền hạn gì đối với tài sản tại thửa đất 253A (Văn bản được công chứng hợp pháp). Vì vậy, ông Lê Văn Bông Lê Q T2 bà Lê Thị Mỹ H5 không phải là thành viên trong hộ gia đình sử dụng đất Nguyễn Thị C4

Đối với số tiền bồi thường thuộc dự án xây dựng đường QĐ Lê Văn B13 tờ ủy quyền ngày 24/8/2005 (bản pho to) nhưng có nội dung ông Lê Văn B6 ông Lê Q T2 xác định phần đất bồi thường này đã được gia đình cho bà Lê Thị A1 từ năm 1994, bà A sử dụng ổn định, lâu dài. Điều này chứng tỏ, ông Lê Văn B14 còn quyền lợi gì liên quan đến phần đất này.

Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định quyền sử dụng thửa đất 1.000m² tọa lạc tại khu vực B(thửa đất 253A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3876/GCNRD ngày 20/01/1992 do ông Nguyễn M1 H3 đứng tên) là của cá nhân cụ Nguyễn Thị C4

[3.3] Xét di chúc của cụ Nguyễn Thị C4

Ngày 05/12/2011, cụ Nguyễn Thị C9 “Tờ di chúc” có nội dung: “Tôi có quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản là 01 (một) lô đất có diện tích 1.000m², thửa 253A, tờ bản đồ số 03, tạo lạc tại KV T, phường P, quận Ô trong lúc tinh thần còn minh mẫn, sáng suốt, tôi lập di chúc này để quyết định nếu tôi có mệnh hệ nào mà không còn định đoạt được đối với tài sản của tôi nêu trên thì tài sản nêu trên sẽ được giao lại cho bà Lê Thị A1 được thừa hưởng và được toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt, không ai được quyền ngăn cản và tranh chấp”. Di chúc được Công chứng tại Văn phòng C2số EQuyền IV/2011/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/12/2011.

Di chúc ngày 06/01/2017, có nội dung: sau khi cụ C35 đời thì toàn bộ tài sản là thửa đất 253A, để lại cho con ruột tôi là Lê Thị A1 được quyền thừa hưởng tất cả các phần tài sản của tôi nêu trên và toàn quyền định đoạt... Bản di chúc được công chứng số 1/2017, quyền số 1/TP/CC-SCC/DC chứng nhận ngày 06/01/2017.

Theo tài liệu do Văn phòng C1cung cấp, thể hiện: cụ C36 lập di chúc không bị rối loạn về tâm thần (Giấy chứng nhận số 2016/CN-BVTT ngày 10/10/2016 do Bệnh viện T8), có 02 người làm chứng cho việc lập di chúc, có công chứng, nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội, hình thức di chúc không trái qui định của pháp luật, Công chứng viên xác định cụ C37 thời điểm lập di chúc có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, cụ C38 lại di sản cho bà A là đúng với yêu cầu, ý chí của cụ C39 lập di chúc được nghe đọc lại toàn bộ di chúc, đồng ý toàn bộ nội dung di chúc và tự nguyện lăn tay.

Phía nguyên đơn cho rằng thời điểm cụ C9 di chúc năm 2017 cụ C25 cao tuổi, không còn minh mẫn, người làm chứng trong di chúc là bà Đặng Thị T6 quan hệ thân quen với bà A, còn ông Huỳnh Việt V K1 thì không chứng kiến, do đó di chúc không hợp pháp. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận lời trình bày này của phía nguyên đơn.

Từ những căn cứ nêu trên, bà Lê Thị A1 yêu cầu công nhận hiệu lực của Di chúc do cụ C9 ngày 06/01/2017 là có căn cứ chấp nhận. Thửa đất 253 cụ C9 di chúc để lại cho bà Lê Thị A1, nhưng toàn bộ thửa đất này đã được Nhà nước thu hồi và bồi thường tổng số tiền 2.269.165.800đ, bà Lê Thị A1 yêu cầu được sở hữu toàn bộ số tiền này và được nhận số tiền còn lại tại Ban quản lý dự án là có căn cứ, phù hợp với Án lệ số 34/2020/AL. Bà Lê Thị A1 đã nhận 1.699.405.200đ và 63.844.200đ nên bà Lê Thị A1 được quyền liên hệ Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận Ô nhận 455.246.400đ tiền bồi thường theo Quyết định số 4154/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường và Quyết định số 10271/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, liên hệ Ban Q1 để nhận 50.670.000đ.

[4] Từ các phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn B10 cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M H2 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Lê Văn B6 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ H1, bà Lê Thị Kbà Lê Thị Mỹ L1, bà Lê Thị M H2kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới, do đó kháng cáo của các ông bà có tên trên là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn B2, bà Lê Thị Mỹ H1, bà Lê Thị K3 Lê Thị Mỹ L1 là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, bà Lê Thị M H2phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn B6 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ H1, bà Lê Thị Kbà Lê Thị Mỹ L1, bà Lê Thị M H2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn B10 cầu độc lập bà Lê Thị M H2 về việc yêu cầu tuyên bố Bản Di chúc do cụ Nguyễn Thị C9, được công chứng ngày 06/01/2017, số công chứng 1/2017, quyền số 01/TP/CC-SCC/DC vô hiệu.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn B10 cầu độc lập của bà Lê Thị M H2 về việc yêu cầu chia thừa kế số tiền bồi thường thừa đất 253A.

[2] Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị A1.

Công nhận hiệu lực của Bản Di chúc do cụ Nguyễn Thị C9, được công chứng ngày 06/01/2017, số công chứng 1/2017, quyền số 01/TP/CC-SCC/DC.

Bà Lê Thị A1 được quyền thừa kế toàn bộ số tiền bồi thường thừa đất 253A, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Kv B, P . P, Q.Ô, TP .là 2.269.165.800đ.

Bà Lê Thị A1 được quyền liên hệ Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận Ôn Tập 455.246.400đ tiền bồi thường theo Quyết định số 4154/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường và Quyết định số 10271/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường.

Bà Lê Thị A1 được quyền liên hệ Ban Q1 để nhận 50.670.000đ theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 21/7/2006.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Văn B2, bà Lê Thị Mỹ H1, bà Lê Thị Kbà Lê Thị Mỹ L1. Bà Lê Thị M H2 phải nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 1924 ngày 28/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà H2 đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu (3) (HQ).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vương Minh Tâm